

Số: 2176 /TTCP-C.IV

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

V/v Thực hiện chế độ báo cáo
công tác PCTN

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tập đoàn kinh tế Nhà nước, Tổng công ty 91.

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2005, Luật Thanh tra năm 2010, Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTN; Nghị định số 179/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ ban hành quy chế làm việc của Chính phủ;

Tổng thanh tra Chính phủ hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế Nhà nước, Tổng Công ty 91 (sau đây gọi chung là bộ, ngành, địa phương) thực hiện chế độ báo cáo với Chính phủ về công tác PCTN như sau:

I. CÁC LOẠI BÁO CÁO CÔNG TÁC PCTN

1. Báo cáo định kỳ

1.1. Các loại báo cáo, thời kỳ lấy số liệu, thời hạn gửi báo cáo:

- *Báo cáo tháng:*

Báo cáo công tác PCTN trong kỳ từ ngày 16 tháng trước đến ngày 15 của tháng báo cáo. Báo cáo đủ 12 tháng trong năm. Gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng báo cáo.

- *Báo cáo quý I:*

Báo cáo công tác PCTN trong kỳ từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 3. Gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 tháng 3.

- Báo cáo 6 tháng:

Báo cáo công tác PCTN trong kỳ từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 6. Gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 tháng 6.

- Báo cáo 9 tháng:

Báo cáo công tác PCTN trong kỳ từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 9. Gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 tháng 9,

- Báo cáo năm:

Báo cáo công tác PCTN trong kỳ từ ngày 16 tháng 12 năm trước đến ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo. Gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 25 tháng 12.

- Báo cáo công tác PCTN phục vụ các kỳ họp Quốc hội:

Thực hiện theo yêu cầu của Quốc hội, hướng dẫn của Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Thanh tra Chính phủ.

1.2. Nội dung báo cáo định kỳ:

- Đối với báo cáo tháng: Báo cáo theo mẫu tại Phụ lục số 01.

- Đối với báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm: Báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 02 và thống kê số liệu theo Phụ lục số 03.

2. Báo cáo chuyên đề, báo cáo khác:

- Các báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước hoặc yêu cầu của Chính phủ thực hiện theo hướng dẫn riêng của Thanh tra Chính phủ hoặc các bộ, ngành, cơ quan khác được giao nhiệm vụ hướng dẫn việc báo cáo.

- Các báo cáo khác do bộ, ngành, địa phương chủ động báo cáo.

3. Cơ quan tham mưu chuẩn bị báo cáo định kỳ về công tác PCTN

Thanh tra bộ, ngành, địa phương là đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp chuẩn bị báo cáo định kỳ về công tác PCTN. Các cơ quan không có tổ chức Thanh tra Nhà nước thì chủ động phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc tham mưu chuẩn bị báo cáo.

II. HÌNH THỨC GỬI BÁO CÁO, NƠI NHẬN BÁO CÁO

1. Hình thức gửi báo cáo

Báo cáo được gửi bằng văn bản hành chính hoặc dữ liệu điện tử (bản quét, có số hiệu văn bản, chữ ký, dấu) hoặc gửi qua đường fax. Các báo cáo mật thì gửi theo quy định đối với tài liệu mật.

2. Nơi nhận báo cáo

Báo cáo gửi về Thanh tra Chính phủ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm báo cáo và xét thấy cần báo cáo.

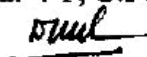
Địa chỉ nhận báo cáo của Thanh tra Chính phủ như sau:

- Thanh tra Chính phủ: Lô D29, Khu đô thị mới Yên Hoà, đường Trần Thái Tông, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
- Số Fax: 080.48832
- Hộp thư điện tử: cucchongthamnhung@thanhtra.gov.vn

Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị các bộ, ngành, địa phương thực hiện hướng dẫn nêu trên kể từ 01/10/2011. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Thanh tra Chính phủ (qua Cục Chống tham nhũng) để được giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Văn phòng BCĐ TW về PCTN;
- Lãnh đạo TTCP;
- Các vụ, cục, đơn vị thuộc TTCP (Trung tâm T.T đưa lên Công TTĐT);
- Thanh tra bộ, ngành, địa phương;
- Lưu: VT, C.IV (20b).



**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Trần Đức Lượng

09577310

MẪU BÁO CÁO THÁNG

(Kèm theo Văn bản số 476/TTCP-C.IV ngày 15/8/2011 của Thanh tra Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /BC -

BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Tháng Năm

I/ MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC PCTN

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ THÁNG ...		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		GHI CHÚ
		Số vụ	Số đối tượng	Số vụ	Số đối tượng	
A	PHÁT HIỆN THAM NHŨNG					
1	Phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ					
2	Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan Thanh tra					
3	Phát hiện qua công tác kiểm tra của Đảng					
4	Phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo					
5	Phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử					
6	Phát hiện qua công tác khác					
B	XỬ LÝ THAM NHŨNG					
1	Khởi tố điều tra án tham nhũng					
2	Xét xử án tham nhũng					
3	Xử lý hành chính hành vi tham nhũng					
4	Xử lý kỷ luật đảng về hành vi tham nhũng					

II/ DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG THÁNG

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XẢY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỤ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHỮNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIẾN ĐỘ XỬ LÝ
1				
2				
...				

III/ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC PCTN TRONG THÁNG TIẾP THEO (Liệt kê các nhiệm vụ chính sẽ thực hiện trong tháng sau)

1/...

2/...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đối với báo cáo tháng 3, 6, 9, 12 thì không lập thành văn bản báo cáo riêng mà đưa thành phụ lục kèm theo Báo cáo Quý I, 6 tháng, 9 tháng, cả năm và đóng dấu treo (không ký, đóng dấu như các báo cáo tháng khác). Trường hợp Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ủy quyền cho cơ quan Thanh tra nhà nước cùng cấp ký các báo cáo tháng về công tác PCTN thì vẫn có thể lập riêng các báo cáo tháng nêu trên.

- Tiêu chí số 1, 2 Mục B, phần I thống kê theo nguyên tắc sau: các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống kê theo kết quả khởi tố, xét xử sơ thẩm của cơ quan tố tụng cấp tỉnh + huyện; Bộ Công an, Quốc phòng thống kê kết quả khởi tố của cơ quan điều tra thuộc Bộ. Các bộ, ngành khác thống kê theo kết quả khởi tố, xét xử sơ thẩm của cơ quan tố tụng đối với các vụ việc, đối tượng thuộc quyền quản lý trực tiếp./

PHỤ LỤC SỐ 02

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN BÁO CÁO

Công tác phòng, chống tham nhũng quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm

(Kèm theo Văn bản số 2176 /TTCP-C.IV ngày 15/8/2011

của Thanh tra Chính phủ)

I/ KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương.

- Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

- Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên trách về PCTN (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách).

- Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

- Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

- Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng;

- Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp;

- Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng;

- Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập;

- Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách;

- Việc thực hiện cải cách hành chính;

- Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản;

- Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng (nếu có).

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng.

- Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương;

- Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra;

- Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương;

- Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

4. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

- Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hoá, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện;

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong Chiến lược quốc gia và Kế hoạch thực thi Công ước;

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà bộ, ngành, địa phương đã đề ra trong kế hoạch của mình nhằm thực thi Chiến lược, Công ước.

5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN.

- Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

- Những kết quả, đóng góp của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

- Các hoạt động hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng (nếu có).

II/ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng.

- Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương;

- So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

- Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương;

- So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với cùng kỳ năm trước;

- Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng:

+ Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại bộ, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng;

+ Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự báo tình hình tham nhũng (Chỉ dự báo trong báo cáo 6 tháng và báo cáo năm):

- Dự báo hiệu quả tác động của các giải pháp đang thực hiện và diễn biến tình hình tham nhũng (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất vi phạm...*).

- Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng, ngừa và đấu tranh.

III/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA KỲ TIẾP THEO.

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

(Kỳ tiếp theo được hiểu như sau: Đối với Báo cáo Quý I là Quý II; đối với báo cáo 6 tháng là 6 tháng cuối năm, đối với báo cáo 9 tháng là Quý IV, đối với báo cáo năm là năm sau).

IV/ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về PCTN (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTN, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC PCTN QUÝ I, 6 THÁNG, 9 THÁNG, NĂM
(Kèm theo Văn bản số 2116 /TTCP-C.IV ngày 15 /8/2011 của Thanh tra Chính phủ)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC... ngày / / của ...)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
03	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
04	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
05	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
06	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
07	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
08	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	

17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng
	Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập	
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người
23	Số người bị kết luận khai không trung thực	Người
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi đề xảy ra tham nhũng	
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán	
27	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG	
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ	
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người
	Qua hoạt động thanh tra	
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo	
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người
	Qua điều tra tội phạm	
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG	
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp)	Người

41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.		
49	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
50	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
51	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
52	+ Đất đai	m ²	
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
53	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
54	+ Đất đai	m ²	

Ghi chú: - Lưu ý khi báo cáo không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn./.